



Dòng máy in HP LaserJet Enterprise 8501

Trải nghiệm quy trình làm việc đỉnh cao

Nâng cao năng suất văn phòng với tốc độ in cao và quản lý dễ dàng.



Tin tưởng vào hiệu suất vượt trội

- Luôn làm việc hiệu quả và luôn sẵn sàng cho tương lai với các tính năng HP FutureSmart có thể nâng cấp.²
- Tiết kiệm thời gian quý báu. Các bản in chất lượng cao được hoàn thành nhanh chóng—với tốc độ lên đến 70 trang/phút.³

Bảo mật mọi thứ quan trọng¹

- Công việc của bạn được bảo mật với HP Wolf Security⁴, âm thầm phát hiện và sửa chữa máy in của bạn khỏi các cuộc tấn công mạng.
- Bảo vệ mạng của bạn bằng máy in doanh nghiệp kháng lượng tử đầu tiên trên thế giới.⁴
- Dữ liệu cần bảo vệ được lưu trữ trên thiết bị của bạn bằng Mô-đun nền tảng đáng tin cậy HP được nhúng.⁵ Mật khẩu, khóa và hơn thế nữa.

Đơn giản hóa việc quản lý in ấn

- Nhận một máy in để lắp đặt tại văn phòng của bạn. Không cần kỹ thuật viên bên thứ ba.
- Dễ dàng tự bảo trì—hoặc nhận hỗ trợ từ Dịch vụ của HP khi bạn cần.
- Đơn giản hóa việc quản lý với vật tư tiêu hao lâu dài và các bộ phận giúp giảm thiểu sự can thiệp.

Giảm tác động của bạn với công nghệ được thiết kế bền vững

- Các thiết kế tiết kiệm năng lượng của chúng tôi đáp ứng các tiêu chí khắt khe của EPEAT Gold, Energy Star và Blue Angel.⁶
- Với Chương trình HP Planet Partners, chúng tôi cung cấp một cách thức thuận tiện để tái chế vật tư HP sau khi sử dụng.⁷
- Với mỗi trang bạn in, HP đầu tư vào việc giúp bảo vệ, quản lý và phục hồi rừng.⁸

Tổng quan sản phẩm

- 1. Ngăn giấy ra 500 tờ
- 2. 70 trang/phút
- 3. In 2 mặt tự động
- 4. Giải pháp bảo mật HP Wolf Enterprise
- 5. Màn hình cảm ứng màu 4,3 inch
- 6. Nút nguồn
- 7. Cửa phải vào đường dẫn in
- 8. Gói tích hợp phần cứng
- 9. Cổng USB dễ dàng truy cập
- 10. Đầu vào 2.180 tờ



Sơ lược về dòng sản phẩm



Model	HP LaserJet Ent 8501dn Prntr	HP LaserJet Ent 8501x Prntr	HP LaserJet Ent 8501x+ Prntr
Mã sản phẩm	9S187A	AJ7J3A	AQ1E4A
Tốc độ in	70 trang/phút		
Dung lượng đầu vào	1.140 tờ	2.180 tờ	
Khối lượng Trang Hàng tháng được Khuyến nghị	60,000		
Bảng Điều khiển	Màn hình cảm ứng màu 4,3 inch		
Bộ hoàn thiện	Không áp dụng		Bao gồm Bộ dập ghim/Bộ hoàn thiện xếp chồng

Phụ kiện, Vật liệu & Hỗ trợ

Vật tư	9U1Q5A Bộ thu mực in HP LaserJet (Hộp mực trung bình in được 300.000 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISP/IEC 19752.) W1760A Hộp mực in LaserJet màu đen chính hãng HP 176A (Hộp mực trung bình in được 45.000 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISP/IEC 19752.) W1766A Trống in ảnh LaserJet màu đen chính hãng HP 176A (Hộp mực năng suất trung bình in được 600.000 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISP/IEC 19752.)
Phụ kiện	2NR12A Ngăn đựng ổ đĩa cứng có thể tháo rời HP 2TD64A Bộ trợ năng HP 3JN69A HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless 478C2A Trợ lý thoại in HP 4QL32A Đầu đọc USB HP Legic Secure 8FP31A Phụ kiện HP Jetdirect LAN 9R1U0A HP JetDirect 3200w Wifi 6 BLE/WL Accy B5L31A HP Foreign Interface Harness X3D03A Đầu đọc thẻ chứng thực USB vạn năng HP Y1G14A Bộ dập ghim/Ghim bộ hoàn thiện xếp chồng HP LaserJet Y7C05A Đầu đọc HP HIP2 Keystroke
Dịch vụ và Hỗ trợ	UF8K1E Dịch vụ tại chỗ vào ngày làm việc tiếp theo kèm DMR trong 3 năm của HP dành cho LaserJet Enterprise 8501 UF8K2E Dịch vụ tại chỗ vào ngày làm việc tiếp theo kèm DMR trong 4 năm của HP dành cho LaserJet Enterprise 8501 UF8K3E Dịch vụ tại chỗ vào ngày làm việc tiếp theo kèm DMR trong 5 năm của HP dành cho LaserJet Enterprise 8501 UF8K4PE Dịch vụ tại chỗ vào ngày làm việc tiếp theo sau bảo hành kèm dịch vụ DMR dành cho LaserJet Enterprise 8501 trong vòng 1 năm của HP UF8K9E Dịch vụ tại chỗ 4 giờ kèm DMR trong 3 năm của HP dành cho LaserJet Enterprise 8501 UF8L0E Dịch vụ tại chỗ 4 giờ kèm DMR trong 4 năm của HP dành cho LaserJet Enterprise 8501 UF8L1E Dịch vụ tại chỗ 4 giờ kèm DMR trong 5 năm của HP dành cho LaserJet Enterprise 8501 UF8L2PE Dịch vụ tại chỗ 4 giờ sau bảo hành 1 năm của HP kèm DMR cho LaserJet Enterprise 8501 UF8K5E Dịch vụ Đổi linh kiện của HP trong 3 năm kèm DMR cho LaserJet Enterprise 8501 UF8K6E Dịch vụ Đổi linh kiện của HP trong 4 năm kèm DMR cho LaserJet Enterprise 8501 UF8K7E Dịch vụ Đổi linh kiện kèm DMR trong vòng 5 năm của HP cho LaserJet Enterprise 8501 UF8K8PE Dịch vụ Đổi linh kiện sau bảo hành 1 năm của HP kèm DMR cho LaserJet Enterprise 8501 U9JT3E Dịch vụ Lắp đặt của HP có định cấu hình mạng cho Máy in phòng ban (1 chiếc) UF8L3E Dịch vụ Thay thế Bộ công cụ Bảo dưỡng của HP cho Bộ sấy LaserJet Enterprise 8501 100v tại Nhật Bản UF8L4E Dịch vụ Thay thế Bộ công cụ Bảo dưỡng của HP cho Bộ sấy LaserJet Enterprise 8501 110V UF8L5E Dịch vụ Thay thế Bộ công cụ Bảo dưỡng của HP cho Bộ sấy LaserJet Enterprise 8501 220v
Solutions	Bảo mật: Kiểm soát truy cập HP; HP Security Manager; HP Advance; HP Secure Print và Insights In di động và đa dụng: Trình điều khiển in phổ dụng HP (UPD) Quản lý: Embedded Web Server

Thông số kỹ thuật

Model	HP LaserJet Ent 8501dn Pntr	HP LaserJet Ent 8501x Pntr	HP LaserJet Ent 8501x+ Pntr
Mã sản phẩm	9S187A	AJ7J3A	AQ1E4A
Các chức năng	In		
Bảng điều khiển	Màn hình cảm ứng Đồ họa Màu (CGD) 4,3 inch (10,92 cm); màn hình xoay (có thể điều chỉnh góc); Loa		
In			
Công nghệ in	Laser		
Tốc độ in ³	Đen trắng (A4, thường): Lên đến 70 trang/phút Đen trắng (A4, hai mặt): Lên tới 70 hình/phút Đen trắng (A3, thường): Lên đến 35 trang/phút		
Trang ra đầu tiên ⁴	Đen trắng (A4, sẵn sàng): Nhanh 5,6 giây Đen trắng (A4, chế độ ngủ): Chỉ trong 12,9 giây (15 phút)		
Độ phân giải in	Đen trắng (bình thường): Tối đa 600 x 600 dpi; Đen trắng (đường nét mảnh): Tối đa 1.200 x 1.200 dpi;		
Công nghệ in	Công nghệ: 1.200 x 1.200 dpi (Đường mảnh); 600 x 600 dpi (Bình thường); 300 x 300 dpi (Xem nhanh)		
Chu kỳ hoạt động hàng tháng	Tối đa 250.000 trang A4; Số lượng trang được đề xuất hàng tháng: Lên đến 60.000		
Tính năng phần mềm thông minh của máy in	Xem trước khi in, in hai mặt, in nhiều trang mỗi tờ (2, 4, 6, 9, 16), sắp xếp trang in, dấu chìm, lưu trữ tác vụ in, USB dễ tiếp cận		
Ngôn ngữ in ấn tiêu chuẩn	HP PCL 5e; HP PCL 6, mô phỏng HP Postscript mức 3, PDF (v 1.7), tương thích với AirPrint™		
Phông và kiểu chữ	84 phông chữ TrueType có thể thay đổi kích thước		
Vùng in	Lề in Hàng đầu: 4,23 mm, Dưới cùng: 4,23 mm, Trái: 4,23 mm, Phải: 4,23 mm; Vùng in tối đa: 311,5 x 448,7 mm		
In hai mặt	Tự động		
Tốc độ bộ xử lý	1,6 GHz (lõi tứ), 1,4 GHz (lõi kép)		
Lưu trữ Tiêu chuẩn	SSD 256 GB		

Model	HP LaserJet Ent 8501dn Pntr		HP LaserJet Ent 8501x Pntr	HP LaserJet Ent 8501x+ Pntr
Mã sản phẩm	9S187A		AJ7J3A	AQ1E4A
Khả năng kết nối				
Tiêu chuẩn	Mạng Ethernet 10/100/1000T 1 Gigabit; 1 Phần cứng tích hợp bỏ túi hệ thứ 2 (HIP2); 1 cổng Hi-Speed USB 2.0 (máy chủ); 1 USB 3.0 siêu tốc độ (thiết bị); 1 cổng SuperSpeed USB 3.0 (máy chủ);			
Optional	Phụ kiện BLE/NFC/Không dây HP Jetdirect 3100w 3JN69A			
Không dây	Tùy chọn, cho phép việc mua phụ kiện phần cứng			
Khả năng in trên thiết bị di động	Apple AirPrint™; Được chứng nhận Mopria™; In qua Wi-Fi® Direct; In qua PrinterOn			
Hỗ trợ giao thức mạng	IPv4/IPv6: Tương thích Apple Bonjour (Mac OS 10.2.4 trở lên), AirPrint, SNMPv1/v2c/v3, HTTP, HTTPS, Port 9100, LPD, WS Discovery, IPP, Secure-IPP, IPsec/Firewall; IPv6: DHCPv6, MLDv1, ICMPv6; IPv4: Auto-IP, SLP, LLNMR, IGMPv2, BOOTP/DHCP, WINS, IP Direct Mode, WS Print; HP Web Services			
Ổ cứng	Không có			
Bộ nhớ	Tiêu chuẩn: 6 GB; Tối đa: 6 GB			
Xử lý giấy ảnh media				
Số khay giấy	Tiêu chuẩn: 3 ; Tối đa: Lên đến 3		Tiêu chuẩn: 5 ; Tối đa: Lên đến 5	
Loại giấy in	Trơn, HP EcoEFICIENT, HP Matte 90 g, Nhe 60-74 g, Bond, Tái chế, HP Matte 105 g, HP Matte 120 g, HP Soft Gloss 120 g, Trung bình 96-110 g, Nặng 111-130 g, HP Matte 150 g, Siêu nặng 131-175 g, HP Matte 200 g, Giấy in thẻ 176-220 g, Bia cứng nhẹ 221-255 g, Bia cứng 256-300 g, Bia cứng nặng, Giấy trong suốt đơn sắc, Nhân, tiêu đề thư, phong bì, phong bì dày, in sẵn, đục lỗ sẵn, có màu			
Khổ giấy in	Tùy chỉnh (theo hệ mét): Khay 1: 98 x 139,7 đến 320 x 457,2 mm; Khay 2: 98 x 139,7 đến 297 x 390 mm; Khay 3: 140 x 182 đến 320 x 457,2 mm ; Có hỗ trợ (theo hệ mét): Khay 1: A3, A4, A4R, A5, A5R, A6, RA3, SRA3, RA4, SRA4, B4 (JIS), B5 (JIS), B6 (JIS), 10x15cm, Oficio, 8K, 16k, Bưu thiệp (JIS), Bưu thiệp (JIS), Bì thư B5, Bì thư C5, Bì thư C6, Bì thư DL; Khay 2: A4, A4R, A5, A5R, A6, RA4, B4 (JIS), B5 (JIS), B6(JIS), Oficio, 8K, 16k, Bì thư B5, Bì thư C5, Bì thư C6, Bì thư DL; Khay 3: A3, A4, A4R, A5, RA3, RA4, B4 (JIS), B5 (JIS), Oficio, 8K, 16k		Tùy chỉnh (theo hệ mét): Khay 1: 98 x 139,7 đến 320 x 457,2 mm; Khay 2: 98 x 139,7 đến 297 x 390 mm; Khay 3: 140 x 182 đến 320 x 457,2 mm; Khay 4: 140 x 182 đến 320 x 457,2 mm; Khay 5: 140 x 182 đến 320 x 457,2 mm ; Có hỗ trợ (theo hệ mét): Khay 1: A3, A4, A4R, A5, A5RRA3A6SRA3, RA4, SRA4, B4 (JIS), B5 (JIS), (JIS), B6 10x15cm, Oficio, 8K, 16k, Bưu thiệp (JIS), Bưu thiệp (JIS), Phong bìB5, Phong C5bì, Phong bì, C6Phong bì DL; Khay 2: A4, A4R, A5, A5R, A6RA4, , B4 (JIS), B5 (JIS), (JIS), B6Oficio, 8K, 16k, Phong bì B5, Phong C5bì, C6Phong bì , Phong bì DL; Khay 3: A3, A4, A4R, A5, RA3RA4B4 (JIS), B5 (JIS), Oficio, 8K, 16k; Khay 4: A3, A4, A4R, A5, RA3RA4B4 (JIS), B5 (JIS), Oficio, 8K, 16k; Khay 5: A3, A4, A4R, A5, RA3RA4B4 , , (JIS), B5 (JIS), Oficio, 8K, 16k	
Xử lý giấy ảnh media	Đầu vào tiêu chuẩn: Khay đa năng 100 tờ, 2 x khay nạp giấy 520 tờ Đầu ra tiêu chuẩn: 500 tờ		Đầu vào tiêu chuẩn: Khay đa năng 100 tờ, 4 x khay nạp giấy 520 tờ Đầu ra tiêu chuẩn: 500 tờ	Đầu vào tiêu chuẩn: Khay đa năng 100 tờ, 4 x khay nạp giấy 520 tờ Đầu ra tiêu chuẩn: 3.250 tờ
Trọng lượng giấy ảnh media	Khay 1, 2, 3: 60 - 325 g/m²;		Khay 1, 2, 3: 60 đến 325 g/m²; Khay 4, 5: 60 đến 300 g/m²;	
Công suất đầu vào	Tiêu chuẩn: Khay đa năng 100 tờ, 2 x khay nạp giấy 520 tờ Tối đa 1.140 tờ (Khay 1: tối đa 100 tờ; Khay 2: tối đa 520 tờ; Khay 3: tối đa 520 tờ) ; Tối đa: Tối đa 1.140 tờ		Tiêu chuẩn: Khay đa năng 100 tờ, 4 x khay nạp giấy 520 tờ Tối đa 2.180 tờ (Khay 1: tối đa 100 tờ; Khay 2: tối đa 520 tờ; Khay 3: tối đa 520 tờ; Khay 4: tối đa 520 tờ; Khay 5: tối đa 520 tờ) ; Tối đa: Lên tới 2.180 tờ	
Công suất đầu ra	Tiêu chuẩn: Tối đa 500 tờ Phong bì: Lên đến 40 phong bì Giấy trong: Lên đến 100 tờ Tối đa: Tối đa 500 tờ			Tiêu chuẩn: Lên tới 3.250 tờ Phong bì: Lên đến 40 phong bì Giấy trong: Lên đến 100 tờ Tối đa: Lên tới 3.250 tờ
Hệ điều hành tương thích	Windows 11; Windows 10; Hệ Điều hành Windows Client; Android; iOS; macOS 12 Monterey; macOS 13 Ventura; MacOS v14 Sonoma; Windows 8.1			
Các hệ điều hành mạng tương thích	Máy chủ Windows; Linux; Citrix			
Yêu cầu hệ thống tối thiểu	Windows: Ổ cứng có 2 GB trống, kết nối Internet, hoặc cổng USB, trình duyệt Internet. Để biết thêm các yêu cầu khác đối với phần cứng của hệ điều hành, vui lòng truy cập microsoft.com; Mac: Có sẵn 2 GB dung lượng ổ cứng; Kết nối Internet hoặc cổng USB; Trình duyệt Internet. Để biết các yêu cầu khác đối với phần cứng hệ điều hành, truy cập apple.com			
Phần mềm đi kèm	Không có giải pháp phần mềm nào được bao gồm trong hộp, chỉ có trên http://hp.com, https://support.hp.com/			
Quản lý bảo mật	Quản lý danh tính: Xác thực Kerberos, xác thực LDAP, 1000 mã PIN người dùng, các giải pháp xác thực nâng cao tùy chọn của HP và bên thứ ba (ví dụ: đầu đọc phù hiệu); Mạng: IPsec/tường lửa có chứng chỉ/xác thực Khóa chia sẻ trước, Hỗ trợ plug-in cấu hình IPsec WJA-10, xác thực 802.1X (EAP-PEAP; EAP-TLS), SNMPv3, HTTPS, Chứng chỉ; Dữ liệu: Mã hóa lưu trữ, Mã hóa PDF & Email, SSL/TLS (HTTPS), Thông tin đăng nhập mã hóa; Thiết bị: HP Sure Start Secure Boot (Kiểm tra tính toàn vẹn của BIOS với khả năng tự phục hồi), Phát hiện xâm nhập (Giám sát liên tục trong thiết bị để phát hiện tấn công), Lập danh sách an toàn (chỉ tải mã không độc hại đã biết), HP Memory Shield™, Mô-dun nền tảng tin cậy nhúng sẵn, HP Connection Inspector, Khe khóa bảo mật, vô hiệu cổng USB; Quản lý bảo mật: Tương thích với HP Security Manager, các Thông báo nhật ký hệ thống bảo mật thiết bị được xử lý và có thể truy cập trong Arcsight cũng như Splunk SIEM			
Quản lý máy in	Phần mềm HP Web JetAdmin, HP Security Manager, HP SNMP Proxy Agent (Một phần của HP WebJetAdmin), HP WS Pro Proxy Agent (Một phần của HP WebJetAdmin), Bộ tài nguyên quản trị máy in dành cho Trình điều khiển in phổ thông HP (Cấu hình trình điều khiển, Tiện ích - Trình điều khiển, Tiện ích triển khai - Bộ quản trị in được quản lý)			
Kích thước và trọng lượng				
Kích thước máy in (R x S x C)	Tối thiểu 585 x 695 x 714 mm; Tối đa: 1083,5 x 1197,6 x 736,7 mm		Tối thiểu 585 x 695 x 970 mm; Tối đa: 1083,5 x 1197,6 x 993,2 mm	Tối thiểu 1293 x 695 x 1050 mm; Tối đa: 1677,2 x 1197,6 x 1050 mm
Kích thước đóng thùng (R x S x C)	755 x 850 x 980 mm		890 x 972 x 1184 mm	
Trọng lượng máy in²	65,47 kg		93,72 kg	
Trọng lượng đóng thùng	75,87 kg		133,95 kg	
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ: 15 đến 30°C; Độ ẩm: 20 đến 80% RH			
Điều kiện lưu trữ	Nhiệt độ: -10 đến 40°C			
Âm thanh¹	Phát xạ công suất âm thanh: 7,1 B(A) (in đơn sắc một mặt A4 ở tốc độ 70 trang/phút); Phát xạ áp suất âm thanh: 55 dB(A) (in đơn sắc một mặt A4 ở tốc độ 70 trang/phút)			Phát xạ công suất âm thanh: 7,4 B(A) (in đơn sắc một mặt A4 ở tốc độ 70 trang/phút); Phát xạ áp suất âm thanh: 58 B(A) (in đơn sắc một mặt A4 ở tốc độ 70 trang/phút)
Nguồn điện	Yêu cầu: Điện áp đầu vào: 110 đến 127 VAC (+/-10%), 50/60 Hz (+/-3 Hz), 12,0 A 220 đến 240 VAC (+/-10%), 50/60 Hz (+/-3 Hz), 7,0 A 100 VAC (+/-10%), 50/60 Hz (+/-3 Hz), (Không phải điện áp kép, nguồn điện thay đổi theo số hiệu với Mã định danh tùy chọn #) ; Tiêu thụ: 1.024,37 watt (in), 40,08 watt (sẵn sàng), 0,86 watt (ngủ), 0,11 watt (tự động tắt), 0,11 watt (tắt thủ công) ; Mức tiêu thụ Điện Định hình (TEC): 1.027 kWh/tuần ; Loại nguồn điện: Bộ cấp nguồn trong (tích hợp)			
Công nghệ tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm pin			
Chứng nhận	CISPR 22:2008 (Quốc tế) - Loại A, CISPR 32:2015 (Quốc tế) - Loại A, EN 55032: 2015 (EU) - Loại A, CISPR 11:2016, EN 55011:2016, EN 61000-3-2: 2019, EN 61000-3-3: 2013+A1:2019, EN 55024: 2010+A1:2015, EN 55035:2017+A11:2020, EN60601-1-2:2015, Chỉ thị EMC 2014/30/EU, FCC CFR 47 Phần 15 Loại A / ICES-003, Mục 7:2020 Loại A, Các phê duyệt khác về EMC theo quy định của từng quốc gia Blue Angel; Đã đăng ký EPEAT®; Đạt chứng nhận ENERGY STAR® Tuân thủ Blue Angel Có, Blue Angel DE-UZ 219—Chỉ được bảo đảm khi sử dụng mực in HP chính hãng			
Thông số kỹ thuật tác động bền vững	Bao bì có chứng nhận FSC; 10% nhựa tái chế từ rác thải sinh hoạt			
Hộp mực thay thế⁵	Hộp mực W1760A HP 176A LJ màu đen (Năng suất ISO 45.000)			
Trong hộp có gì	Hướng dẫn lắp đặt; Tờ thông tin về quy định; dây nguồn; hướng dẫn sử dụng			
Năng suất trang (hộp mực thiết lập/trong hộp)	Hộp mực khởi động LJ màu đen HP 176A (Năng suất ISO 25.000) W1760AS			
Bảo hành	Bảo hành tại chỗ trong vòng một năm. Các tùy chọn bảo hành và hỗ trợ khác nhau tùy theo sản phẩm, yêu cầu pháp lý địa phương và quốc gia.			

Ghi chú

¹ Dòng máy in HP LaserJet Enterprise 8801/8601/8501 là mẫu hàng đầu trong danh mục máy in HP Enterprise của chúng tôi, có tốc độ in và scan cao nhất, cùng với các giải pháp in tiên tiến giúp quản lý in dễ dàng.

² Một số tính năng kích hoạt từ các nâng cấp firmware HP FutureSmart trong tương lai có thể không có sẵn trên các thiết bị đời cũ, do các đặc điểm vật lý của sản phẩm giới hạn chức năng của tính năng mới.

³ Đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁴ HP Security giờ là HP Wolf Security. Các tính năng bảo mật khác nhau tùy theo nền tảng, vui lòng xem bảng dữ liệu sản phẩm để biết chi tiết. Các tính năng bảo mật tích hợp tiên tiến nhất của HP có sẵn trên các thiết bị HP Managed và Enterprise sử dụng firmware HP FutureSmart phiên bản 4.5 trở lên. Tuyên bố dựa trên đánh giá của HP về các tính năng đã công bố năm 2024 của những máy in cạnh tranh cùng loại. Chỉ có HP cung cấp nhiều tính năng bảo mật tự động phát hiện, ngăn chặn và khôi phục sau các cuộc tấn công bằng phương thức khởi động lại tự phục hồi theo hướng dẫn NIST SP 800-193 về khả năng phản ứng linh hoạt của thiết bị trước các nguy cơ tấn công mạng. Để xem danh sách các sản phẩm tương thích, vui lòng truy cập: hp.com/go/PrintersThatProtect. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập: hp.com/go/PrinterSecurityClaims. HP Security Manager phải được mua riêng. Để tìm hiểu thêm, vui lòng truy cập hp.com/go/securitymanager. Mã hóa hậu lượng tử (PQC): Dựa trên phân tích nội bộ của HP về các Máy in dành cho doanh nghiệp có mã hóa, xác thực, bảo vệ chống phần mềm độc hại và bảo vệ ở cấp độ BIOS với khả năng tự khôi phục tự động và nhận thấy rằng không có Máy in cùng loại nào khác triển khai sơ đồ mã hóa kháng lượng tử để bảo vệ tính toàn vẹn của BIOS kể từ năm 2025. PQC sẽ có sẵn vào mùa thu năm 2025 với Firmware 25.9.2.2+.

⁵ Có thể cần phải nâng cấp phần mềm điều khiển để sử dụng HP Trusted Platform Module.

⁶ HP tự thiết kế và kiểm tra các hệ thống in của mình nhằm ngăn lượng khí thải vượt quá các quy định về nhân sinh thái Blue Angel và EPEAT. Dựa trên đăng ký EPEAT® của Hoa Kỳ, Canada, Ấn Độ và Úc theo IEEE 1680.1-2018 EPEAT.® Trạng thái EPEAT® khác nhau tùy theo quốc gia. Truy cập www.epeat.net để biết thêm thông tin. ENERGY STAR và logo ENERGY STAR là các nhãn hiệu đã đăng ký tại Hoa Kỳ. Máy in HP, giấy HP và vật tư HP chính hãng - Tiêu chí phát thải Blue Angel DE-UZ 219.

⁷ Các chương trình được cung cấp có thể khác nhau. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập hp.com/hprecycle.

⁸ HP hợp tác với các đối tác của chúng tôi bao gồm WWF và Tổ chức Bảo tồn Quốc tế để quản lý, khôi phục và bảo vệ rừng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Với HP, mọi bản in — bất kể thương hiệu giấy nào — đều được xử lý thông qua Khuôn khổ Tích cực về Rừng của HP để chống lại các nguy cơ phá rừng. Để tìm hiểu thêm, hãy truy cập hp.com/forestfirst.

⁹ HP Web Jetadmin được cung cấp miễn phí. Bạn có thể tải xuống hp.com/go/webjetadmin.

¹⁰ Xem hp.com/go/TonerRecycledContent để biết danh sách. Tái chế từ rác thải sinh hoạt dựa trên định nghĩa được đặt trong tiêu chuẩn EPEAT cho thiết bị hình ảnh và được biểu thị bằng phần trăm tổng trọng lượng nhựa.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm về thông số kỹ thuật

¹ Các giá trị âm thanh có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, xem <http://www.hp.com/support>

² Bao gồm trọng lượng hộp mực khởi động

³ Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu thử nghiệm đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁴ Dựa trên đánh giá nội bộ của HP, do thời gian từ khi bắt đầu in đến khi thoát trang. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu. Ngoài ra, để biết thông tin về First Page Out được đo bằng ISO/IEC 17629, xem hp.com/go/printerclaims.

⁵ Năng suất trung bình thực tế dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể dựa trên nội dung trang in và các yếu tố khác. Để biết chi tiết, xem <http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies>.

